

Bản án số: 149/2016/HSST
gày 15 tháng 9 năm 2016

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Hải Huyền
2. Ông Đào Mạnh Tiến

- **Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:** Bà Nguyễn Mai Hương -
Cán bộ Toà án nhân dân thành phố B.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên toà:** Ông Vi Đức Thứ - Kiểm sát viên

Trong ngày 15 tháng 9 năm 2016 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 138/2016/HSST ngày 21 tháng 7 năm 2016 đối với bị cáo:

- Họ và tên: Cao Thị Bích L, sinh năm 1985;
- Tên gọi khác: không;
- Nơi ĐKKHKT: phường Q, thành phố B, tỉnh Bắc Giang;
- Chỗ ở hiện nay: Số A, đường T, phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang;
- Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Dân tộc: Kinh;
- Văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: không;
- Con ông: Cao Văn T (đã chết);
- Con bà: Giáp Thị L, sinh năm 1950;
- Chồng: Nguyễn Văn T (đã ly hôn);
- Con: Bị cáo có 05 con, lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2016;
- Tiền án:

+ Tại bản án số 429/2012/HSST ngày 24/8/2012, Tòa án nhân dân Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội xử phạt 24 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;

+ Tại bản án 178/2013/HSST ngày 07/8/2013 bị Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 03 năm 03 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt với bản án số 429/2012/HSST ngày 24/8/2012 của Tòa án nhân

dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, buộc chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 05 năm 03 tháng tù.

- Tiền sự: không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, hiện tại ngoại- Có mặt tại phiên toà.

*** Người bị hại:**

1. Anh Bùi Văn M (tên gọi khác: S), sinh năm: 1970

2. Chị Dương Thị T, sinh năm: 1968

Đều trú quán: Số nhà X, đường H, phường T, thành phố B, Bắc Giang. (Chị T có mặt, anh M vắng mặt)

3. Chị Đồng Thị H, sinh năm: 1990

Trú quán: Số Z, đường T, phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (có mặt)

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Anh Đặng Tiến N, sinh năm: 1978

Trú quán: Số A, đường T, phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt)

NHẬN THẤY

Bị cáo Cao Thị Bích L bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng tháng 8/2015, Cao Thị Bích L làm việc tại Công ty sữa ST có địa chỉ tại số F, đường G, phường D, thành phố B. Quá trình làm việc tại đây, Liên quen biết anh Bùi Văn M (tên gọi khác là S), sinh năm 1970 có vợ chị Dương Thị T, sinh năm 1968, ở số X, đường H, phường T, thành phố B (anh M là chủ cơ sở sửa chữa xe ô tô gần nơi L làm việc). Thông qua nói chuyện với chị T, L biết gia đình chị T có cháu là anh Tạ Minh Đ đang chấp hành án phạt tù tại trại giam PS, tỉnh Thái Nguyên có nguyện vọng xin giảm án, ra tù trước thời hạn. Sau khi nắm được thông tin này, L đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tiền của anh M, chị T. Liên nói dối chị T, anh M là mình có mối quan hệ với một số người ở Công an tỉnh Bắc Giang và Cục V26- Bộ Công an có thể lo cho anh Đ được ân xá, ra tù trước thời hạn. Thấy L nói vậy anh M, chị T đặt vấn đề nhờ L xin cho anh Đ được ân xá, tha tù trước thời hạn. L đồng ý và nói số tiền chi phí xin cho anh Đ được ân xá, tha tù trước thời hạn hết 120.000.000đồng và hứa đến ngày 02/12/2015 thì anh Đ sẽ được ra tù. Từ cuối tháng 8 đến đầu tháng 9 năm 2015, Liên đã nhận tiền của anh M và chị T nhiều lần với tổng số tiền là 120.000.000đồng. Lần cuối cùng nhận tiền vào ngày 05/9/2015, Liên viết một giấy biên nhận tiền ghi ngày 05/9/2015 với nội dung nhận của chị T số tiền 120.000.000đồng để xin ân xá, ra tù trước thời hạn cho anh Đ. Sau khi nhận số tiền trên, L không liên lạc, chuyển tiền cho cá nhân, tổ chức nào để xin ân xá, ra tù trước thời hạn cho anh Đ mà sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Sau khi thấy anh Tạ Minh Đ không được ân xá, ra tù trước thời hạn như đã hứa. Chị T đòi tiền L nhiều lần nhưng L trốn tránh không trả. Ngày 02/01/2016 chị Dương Thị T có đơn tố cáo gửi đến Công an thành phố B. Ngày 23/02/2016, anh M giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 giấy biên nhận viết trên giấy A4 bằng mực màu xanh có chữ ký, chữ viết mang tên Cao Thị Bích L (ký hiệu giám định A). Cơ quan điều tra trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký trên giấy biên nhận mà anh M giao nộp. Tại Kết luận giám định số 270/KL-PC54 ngày 15/3/2016, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận: “- Chữ ký, chữ viết mang tên Cao Thị Bích L trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết của Cao Thị Bích L trên tài liệu mẫu ký hiệu từ M1- M5 do cùng một người viết ra”. Đến nay anh Bùi Văn M và chị Dương Thị T yêu cầu Cao Thị Bích L bồi thường số tiền 120.000.000đồng.

Quá trình điều tra vụ án, ngoài hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản nêu trên, Cao Thị Bích L còn khai nhận thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt của chị Đồng Thị H, sinh năm 1990 ở số X, đường T, phường L, thành phố B, cụ thể như sau:

Cao Thị Bích L và chị Đồng Thị H là hàng xóm quen biết nhau từ trước. Ngày 15/01/2016, do không có tiền trả tiền thuê nhà nên L đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô của chị H đem đi cầm lấy tiền trả tiền thuê nhà. L đi bộ sang nhà nói dối là mượn xe mô tô để ra chợ Thương mua đồ dùng rồi trả lại ngay. Do là hàng xóm với nhau nên chị H tin tưởng cho Liên mượn chiếc xe nhãn hiệu Honda Super Dream biển kiểm soát 98B1- 662.35. Sau khi chiếm đoạt được chiếc xe, L đi thẳng đến khu vực công trại giam Kế, thành phố B cầm cho một đối tượng L khai tên là H (tên thường gọi là HB, không rõ địa chỉ cụ thể) lấy số tiền 5.000.000đồng. Số tiền này L đã trả tiền thuê nhà cho anh Đặng Tiến N, sinh năm 1978 ở Số A, đường T, phường L, thành phố B hết 2.000.000đồng, số tiền còn lại Liên chi tiêu cá nhân hết.

Sau khi thấy L không trả lại xe, chị H đòi nhiều lần nhưng Liên không trả. Ngày 14/5/2016, chị Đồng Thị H có đơn tố cáo hành vi lừa đảo của L đến Công an thành phố B.

Tại kết luận định giá tài sản số 50/KL- HĐĐG ngày 24/5/2016, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B kết luận: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Super Dream, màu sơn nâu, biển kiểm soát 98B1- 662.35, số máy 1625691, số khung 325636, xe đã qua sử dụng có giá trị 16.000.000đồng.

Tại cơ quan điều tra, Cao Thị Bích L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” của mình như đã nêu trên.

Tại bản Cáo trạng số 143/KSĐT ngày 19/7/2016 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố Cao Thị Bích L về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo qui định tại điểm c, e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, có lời khai bị cáo trình bày sau khi mượn được xe của chị H rồi mới có ý định chiếm đoạt, nhưng sau đó bị cáo khẳng định là do không có tiền trả tiền thuê nhà nên bị cáo đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe máy của chị H để đi cầm lấy tiền trả tiền thuê nhà, bị cáo xác định những lời khai bị cáo đã khai tại cơ quan điều tra là đúng và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Người bị hại là chị Dương Thị T có mặt tại phiên tòa và trình bày như sau: Qua mối quan hệ quen biết và do tin tưởng bị cáo L có khả năng xin được giảm án ra tù trước thời hạn cho cháu chị là anh Tạ Minh Đ nên vợ chồng chị đã đưa cho L tổng số tiền 120.000.000đồng để L lo xin giảm án ra tù trước thời hạn cho anh Đ. Sau khi nhận số tiền trên L không chuyển tiền cho tổ chức cá nhân nào để xin ân xá, ra tù trước thời hạn cho anh Đ mà dùng chi tiêu cá nhân hết. Sau khi thấy anh Đ không được ân xá, ra tù trước thời hạn như Liên hứa, chị đã đòi L rất nhiều lần nhưng L không trả. Đến nay, Liên chưa bồi thường được đồng nào, chị yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho vợ chồng chị toàn bộ số tiền bị cáo đã chiếm đoạt, về hình phạt đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người bị hại là chị Đồng Thị H có mặt tại phiên tòa và trình bày như sau: Do là hàng xóm quen biết nên khi L hỏi mượn chiếc xe mô tô BKS 98B1-662.35 chị đã cho L mượn, nhưng sau khi mượn L đã mang đi cầm, sau khi thấy L không trả xe chị đã đòi nhiều lần nhưng L không trả. Đến nay L chưa bồi thường cho chị, chị yêu cầu bị cáo phải bồi thường trị giá chiếc xe đã chiếm đoạt là 16.000.000đồng. Về hình phạt đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người bị hại là anh Bùi Văn M vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời trình bày tại cơ quan điều tra như sau: Yêu cầu L phải bồi thường cho vợ chồng anh số tiền 120.000.000đồng L đã chiếm đoạt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Đặng Tiến N vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời trình bày tại cơ quan điều tra như sau: Anh cho L thuê nhà, khi L đến trả tiền thuê nhà thì anh nhận, anh không biết tiền L trả anh là tiền do L phạm tội mà có.

Người bị hại, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, vắng mặt tại phiên tòa, đã được Hội đồng xét xử công bố lời khai tại cơ quan điều tra, bị cáo đồng ý và không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát sau khi phân tích các tình tiết của vụ án đã giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị: Tuyên bố bị cáo Cao Thị Bích L phạm tội " Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Áp dụng điểm c, e khoản 2 Điều 139; điểm l, p khoản 1 Điều 46; Điểm g khoản 1 Điều 48; khoản 2 Điều 51; Điều 33 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Cao Thị Bích L từ 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng đến 04 (bốn) năm tù, tổng hợp hình phạt 05 (năm) năm 03 (ba) tháng tù tại bản án số 178/2013/HSST ngày 07/8/2013 của Tòa án nhân dân thành phố B. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án từ 08 (tám) năm 09 (chín)

tháng đến 09 (chín) năm 03 (ba) tháng tù (được trừ số ngày đã tạm giữ từ ngày 01/02/2013 đến ngày 07/02/2013). Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 42 - Bộ luật hình sự. Điều 305; Điều 307; Điều 308; Điều 604; Điều 605; Điều 608 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo phải bồi thường cho chị Dương Thị T và anh Bùi Văn M số tiền 120.000.000đồng. Buộc bị cáo phải bồi thường cho chị Đồng Thị H số tiền 16.000.000đồng. Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự. Điều 22, Điều 27 Pháp lệnh án, phí lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

XÉT THẤY

Lời nhận tội của bị cáo tại phiên toà hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên toà. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 8/2015 đến ngày 15/01/2016, bằng thủ đoạn gian dối, Cao Thị Bích L đã thực hiện 02 hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản với tổng trị giá 136.000.000đồng của những người bị hại bao gồm: Chiếm đoạt số tiền 120.000.000đồng của vợ chồng anh Bùi Văn M, chị Dương Thị T; Chiếm đoạt 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Super Dream biển kiểm soát 98B1- 662.35 có giá trị 16.000.000đồng của chị Đồng Thị H, sử dụng vào mục đích ăn tiêu cá nhân, đến nay chưa bồi thường thiệt hại cho người bị hại. Do bị cáo đã tái phạm, chưa được xoá án tích mà lại phạm tội do cố ý vì vậy, lần phạm tội này của bị cáo là tái phạm nguy hiểm. Hành vi của bị cáo đã phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo qui định tại điểm c, e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội danh và điều khoản trên là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

Hành vi của bị cáo thuộc trường hợp nghiêm trọng theo quy định của Bộ luật hình sự, bị cáo đã lợi dụng lòng tin để chiếm đoạt tài sản của người khác, xâm phạm trực tiếp đến quyền về tài sản được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân. Do đó, phải có hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Xét về nhân thân của bị cáo thì thấy:

Tiền án: Bị cáo có hai tiền án về tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” đến nay bị cáo chưa chấp hành hình phạt.

Tiền sự: Không

Bị cáo đã bị đưa ra xét xử về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản nhiều lần, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà lại tiếp tục phạm tội, chứng tỏ bị cáo là người có nhân thân xấu và khó giáo dục.

Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Bị cáo phạm tội nhưng tại giai đoạn điều tra cũng như trước phiên tòa hôm nay bị cáo khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội trong thời gian đang mang thai nên cũng cần áp dụng điểm l, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt khi lượng hình.

Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Bị cáo thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản nhiều lần, nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

Bị cáo chưa chấp hành hình phạt tù tại bản án số 178/2013/HSST ngày 07/8/2013 của Tòa án nhân dân thành phố B. Do vậy, cần áp dụng điều 51 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành chung cho cả hai bản án. Thời hạn tạm giữ, tạm giam bị cáo được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt tù.

Trong vụ án này, đối tượng có tên H (tên thường gọi: HB) là người nhận cầm xe của L. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng chưa xác định được nhân thân, địa chỉ của đối tượng này nên chưa thu hồi được chiếc xe mô tô của chị H.

Đối với anh Đặng Tiến N khi nhận tiền thuê nhà do L trả không biết đó là tài sản do L phạm tội mà có nên anh Ngọc không vi phạm pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo chưa bồi thường thiệt hại cho những người bị hại. Đến nay người bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường. Buộc bị cáo phải bồi thường vợ chồng anh Bùi Văn M, chị Dương Thị T số tiền 120.000.000đồng; Buộc bị cáo phải bồi thường cho chị Đồng Thị H số tiền 16.000.000đồng.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Cao Thị Bích L phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng điểm c, e khoản 2 Điều 139; điểm l, p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; khoản 2 Điều 51; Điều 33 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt: Bị cáo Cao Thị Bích L 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 05 (năm) năm 03 (ba) tháng tù tại bản án số 178/2013/HSST ngày 07/8/2013 của Tòa án nhân dân thành phố B. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 08 (tám) năm 09 (chín) tháng tù (được trừ số

ngày đã tạm giữ từ ngày 01/02/2013 đến ngày 07/02/2013). Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

* Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 42 – Bộ luật hình sự. Điều 305; Điều 307; Điều 308; Điều 604; Điều 605; Điều 608 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo phải bồi thường cho vợ chồng anh Bùi Văn M, chị Dương Thị T số tiền 120.000.000đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng).

Buộc bị cáo phải bồi thường cho chị Đồng Thị H số tiền 16.000.000đồng (Mười sáu triệu đồng).

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu bên phải thi hành không thi hành thì hàng tháng còn phải trả cho bên được thi hành số tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành số tiền còn phải trả.

* Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 22, Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo phải chịu 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 6.800.000đồng (Sáu triệu tám trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

*Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 231, Điều 234 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo, người bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- TAND Tỉnh Bắc Giang;
- VKSND TP B;
- Công an TP B;
- Chi cục THADS TP.B;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hà